

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 21 – 6 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Khắc Chung.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ntnb, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 02, ấp Mỹ Chánh, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông NVC, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 02, ấp Mỹ Chánh, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ntnb trình bày như sau:*

Bà và ông NVC quen biết nhau, tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 05, ngày 29/01/2010. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và ông C thường xuyên bạo lực gia đình. Do đó, bà và ông C ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông NVC.

Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Tấn Phát, sinh ngày 16/7/2010; Nguyễn Thị B Loan, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Phúc Thịnh, sinh ngày 24/4/2019. Sau ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Phát, Loan và Thịnh và bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo bản tự khai đề ngày 16/6/2022 C bị đơn ông NVC trình bày:* Thống nhất với trình bày và yêu cầu C bà Ntnb về quan hệ hôn nhân, có mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân. Ông C đồng ý ly hôn với bà Ntnb; Về con chung: Ông đồng ý giao 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Tấn Phát, sinh ngày 16/7/2010; Nguyễn Thị B Loan, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Phúc Thịnh, sinh ngày 24/4/2019 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng và ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C, về con chung bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Tấn Phát, sinh ngày 16/7/2010; Nguyễn Thị B Loan, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Phúc Thịnh, sinh ngày 24/4/2019 và bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông C vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng C Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và C người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định C pháp luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định C Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà B và ông C có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên toà nguyên đơn bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông C được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, đến ngày 16/6/2022 ông C có văn bản trình bày ý kiến vợ chồng có mâu thuẫn, ly thân đã lâu nên đồng ý ly hôn. Qua đó, cho thấy đời sống hôn nhân giữa bà B và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn bà B. Về con chung có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Tấn Phát, sinh ngày 16/7/2010; Nguyễn Thị B Loan, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Phúc Thịnh, sinh ngày 24/4/2019, hiện 03 con

chung tên Phát, Loan và Thịnh đang sống với bà B. Sau ly hôn bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Phát, Loan và Thịnh và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu ly hôn C bà B. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định C pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Ntnb khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông NVC, tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết C Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 C Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt C đương sự: Nguyên đơn bà B có mặt, bị đơn ông C vắng mặt và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông NVC.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

##### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Hội đồng xét xử xét thấy, bà B và ông C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, ngày 29/01/2010 là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn C bà Ntnb, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa bà B và ông C có mâu thuẫn, các bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thừa nhận đã sống ly thân. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông NVC tuy vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày đồng ý ly hôn với bà Ntnb. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân C ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích C hôn nhân không đạt được, bà B kiên quyết ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn C bà Ntnb là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 C Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn C bà Ntnb.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Tấn Phát, sinh ngày 16/7/2010; Nguyễn Thị B Loan, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Phúc Thịnh, sinh ngày 24/4/2019, hiện 03 con chung tên Phát, Loan và Thịnh đang sống chung với bà B. Khi ly hôn bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Xét từ khi ly thân đến nay, 03 con chung tên Phát, Loan và Thịnh do bà B chăm sóc, nuôi dưỡng, ý kiến C các con chung đều muốn sống với

bà B, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt, tạo điều kiện cho các con chung C bà B và ông C được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Tấn Phát, Nguyễn Thị B Loan và Nguyễn Phúc Thịnh cho bà B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 C Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông NVC có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung. Bà Ntnb và các thành viên trong gia đình C bà B không được cản trở ông NVC thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp có yêu cầu C cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 C Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ntnb không yêu cầu ông NVC cấp dưỡng nuôi con nên nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 C Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 C Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu C bà Ntnb, bà Ntnb được ly hôn với ông NVC.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, ngày 29/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang cấp cho bà Ntnb và ông NVC không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Hoàng Tấn Phát, sinh ngày 16/7/2010; Nguyễn Thị B Loan, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Phúc Thịnh, sinh ngày 24/4/2019 cho Ntnb trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Ntnb và các thành viên trong gia đình C bà B không được cản trở ông NVC thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung.

Trường hợp có yêu cầu C cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 C Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ntnb không yêu cầu ông NVC cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Ntnb phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003592 ngày 28 tháng 3 năm 2022 C Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ntnb có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông NVC vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã VTT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Anh**

